

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 28-6-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Mừng
Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tỏ – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2018/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp: “Ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ-ST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2018/QĐ-PT ngày 07/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; cư trú tại thôn Đ, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Ông Doãn Quốc S; cư trú tại thôn Đ, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người kháng cáo: Ông Doãn Quốc S – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại các bản tự khai của bà Nguyễn Thị H thì bà và ông Doãn Quốc S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã, thậm chí đánh nhau, từ năm 2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn để trả tự do cho đôi bên.

Về con chung: có hai con chung là Doãn Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/10/2007 và Doãn Nguyễn Minh A, sinh ngày 19/12/2012, khi ly hôn bà xin được nuôi cả hai con, yêu cầu ông S cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000đ/2 con.

Về tài sản chung: vợ chồng có tài sản chung bao gồm 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 101,8m² tọa lạc trên lô đất có diện tích 447m² thuộc thửa 553, tờ bản đồ số 55D tại xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng trị giá 400.000.000đ, 01 xe mô tô hiệu Honda Airblack biển số 49G1 – 187.xx trị giá 28.000.000đ, 01 bộ bàn ghế salon gỗ trị giá 14.000.000đ, 01 tủ quần áo trị giá 2.000.000đ, 01 tủ lạnh trị giá 1.000.000đ, 01 máy giặt trị giá 1.000.000đ và tiền mặt là 140.000.000đ. Khi ly hôn bà xin được chia ½ và xin nhận nhà, quyền sử dụng đất và các vật dụng sinh hoạt trong gia đình, đồng ý giao chiếc xe mô tô cho ông S sử dụng, sử dụng, bà sẽ thanh toán lại giá trị chênh lệch cho ông S đối với phần tài sản được nhận.

Về nợ chung: không có.

Ông S thống nhất với lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung; trong thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 5/2017, nay ông đồng ý ly hôn với bà H, chia tài sản chung như bà H đề nghị, tuy nhiên ông xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng, trong trường hợp bà H được nuôi cả hai con thì ông chỉ đồng ý cấp dưỡng 2.000.000đ/2 con/tháng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số 10/2018/HNGĐ-ST ngày 23/4/2018 Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H và ông Doãn Quốc S thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: giao các con chung tên Doãn Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/10/2007 và Doãn Nguyễn Minh A, sinh ngày 19/12/2012 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 4/2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

3/ Về tài sản: bà H được hưởng các tài sản bao gồm 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 101,8m² trên diện tích đất 447m² thửa 553, tờ bản đồ số 55D xã L, 01 bộ bàn ghế salon gỗ, 01 tủ quần áo, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt và tiền mặt 140.000.000đ; bà H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch trị giá tài sản cho ông S là 265.000.000đ.

Ông S được hưởng xe mô tô 49G1 – 187.xx và số tiền 265.000.000đ bà H trả.

4/ Về chi phí tố tụng: ông Doãn Quốc S phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 450.000đ chi phí định giá tài sản.

Bản án còn tuyên về án phí và lãi suất thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 03/5/2018 ông S có đơn kháng cáo xin được nuôi cháu Doãn Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/10/2007, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa,

Ông Doãn Quốc S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn đồng thời sửa án sơ thẩm, buộc bà H và ông S phải chịu án phí đối với phần chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc vợ chồng mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống nên bà Nguyễn Thị H xin ly hôn ông Doãn Quốc S, Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn” và giải quyết các quan hệ hôn nhân, con cái, tài sản chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét đơn kháng cáo của ông S về việc xin được nuôi con chung là cháu Doãn Nguyễn Minh K thì thấy rằng cháu K hiện nay đã gần tròn 11 tuổi, quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu K và cháu thể hiện mong muốn được sinh sống với mẹ, bà H có thu nhập ổn định, ngoài ra cấp sơ thẩm cũng giao toàn bộ các tài sản bao gồm 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 101,8m² trên diện tích đất 447m² thửa 553, tờ bản đồ số 55D xã L cho bà H sở hữu, sử dụng và ở ổn định, ông S không kháng cáo vấn đề này và hiện tại ông S cũng chưa có nhà riêng để ở nên để đảm bảo cho sự phát triển bình thường và lợi ích về mọi mặt của các con, theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao cháu K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành và buộc ông S phải cấp dưỡng nuôi con như án sơ thẩm tuyên là phù hợp. Bản án sơ thẩm buộc ông S cấp dưỡng nuôi con

mỗi tháng là 3.000.000đ/2 con/tháng, như vậy mỗi con là 1.500.000đ/tháng, ông S chỉ kháng cáo đối với cháu K nên phần cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Minh A đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản chung của vợ chồng ông S, bà H, tổng giá trị là 586.000.000đ nhưng lại không buộc các đương sự phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia là không phù hợp với quy định điểm b, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bởi lẽ cả bà H và ông S không thuộc trường hợp được miễn án phí, cũng không thuộc trường hợp đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định trước khi tiến hành hòa giải nên cần sửa bản án đối với phần này, buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần tài sản chung được chia theo luật định.

Với những nhận định trên cần bác đơn kháng cáo của ông Doãn Quốc S về việc xin được nuôi con chung là cháu Doãn Nguyễn Minh K, sửa bản án sơ thẩm, buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản chung được nhận.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] *Về án phí:* Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông S phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 282, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điểm b, d, e khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Doãn Quốc S về việc xin được nuôi con chung là cháu Doãn Nguyễn Minh K, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Giao cháu Doãn Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/10/2007 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành. Ông Doãn Quốc S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu K là 1.500.000đ/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng) cho đến khi cháu Kha thành niên (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2018.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 13.720.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần chia tài sản chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 6.550.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003019 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, bà H còn phải nộp 7.470.000đ.

- Ông Doãn Quốc S phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con và 13.720.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần chia tài sản chung, tổng cộng là 14.020.000đ.

+ Án phí phúc thẩm:

Ông Doãn Quốc S phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003357 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng; ông S đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

+ Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch